

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 28/3/2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Phạm Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu: Cụm 10, xã T, huyện Đ, TP. Hà Nội

Chỗ ở: Khu 12, thôn Ngọc Tr, xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Cụm 10, xã Tâ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết L đăng ký kết hôn vào tháng 10/2001 tại UBND xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu khoảng 1 năm. Sau khi kết hôn, chị và anh L thuê nhà ở tỉnh Vĩnh Phúc để làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì anh L nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập, đem tài sản chung của vợ chồng đi bán, cầm cố tài sản nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh L chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh L sinh sống ở cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Khoảng cuối năm 2001, anh L

đi cai nghiện ma túy. Sau đó gia đình anh L có động viên chị về chung sống cùng anh L tại gia đình bố mẹ đẻ của anh L nên chị đã đồng ý. Quá trình chung sống thì vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau vì anh L nghiện ma túy không chăm lo kinh tế, chăm sóc gia đình. Năm 2012 cháu Nguyễn Thùy L1 con gái đầu của anh chị chết thì chị và cháu Việt A chuyển về huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống cho đến nay; còn anh L sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Anh L thỉnh thoảng có đến thăm chị và các con nhưng không chu cấp kinh tế cho chị và các con. Chị và anh L chính thức sống ly thân nhau từ tháng 9/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thùy L1 (đã chết năm 2012); Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/12/2007; Nguyễn Việt M, sinh ngày 19/9/2014. Ly hôn chị xin nuôi 2 cháu A, M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Vì hai cháu A, M đều do chị chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Anh L nghiện, không chu cấp kinh tế cho chị cũng như không chăm sóc nuôi dưỡng, quan tâm đến sinh hoạt của các con.

Về tài sản chung, nợ: Chị Nh không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình vợ cũng như gia đình chồng.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Việt L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí lời trình bày của chị Nh. Trước khi kết hôn, anh và chị Nh có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị Nh và anh sinh sống cùng nhau ở tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, chị Nh và anh chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh ở xã T, huyện Đ chung sống. Đến năm 2012, con gái của anh chị là cháu L1 chết thì chị Nh và cháu Việt A đã chuyển hẳn về huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ đó cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tâm gì đến nhau. Chị Nh xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị Nh trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi cháu M và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi cháu M.

Về tài sản chung, nợ: Không có.

Tại phiên tòa chị Nhung giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án. Chị và anh Lâm không còn tình cảm với nhau nên chị cương quyết xin ly hôn anh Lâm. Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án chị có khai vợ chồng không có tài sản là chưa chính xác. Chị và anh Lâm có mua được một số tài sản là vật dụng gia đình. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Viết L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nh xin ly hôn anh L đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Viết L. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Viết A, cháu Nguyễn Viết M. Chị Nh không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh L đến khi có quyết định khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Viết L có địa chỉ tại cụm 10, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 2 lần nhưng anh L đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa trực tiếp cho anh L nhưng đúng thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định anh L đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nh xin được ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nh, anh L kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nh, anh L chung sống cùng nhau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay. Chị Nh cho rằng anh L nghiện ma túy, không có trách nhiệm với chị và các con. Anh L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị Nh xin ly hôn và anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị Nh, anh L mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh và xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Viết L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị Nh xin được nuôi cháu Nguyễn Viết A; Nguyễn Viết M. Anh L xin nuôi cháu Nguyễn Viết M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương nơi chị Nh, các con chị Nh sinh sống và địa phương nơi anh L sinh sống cung cấp thông tin: Chị Nh làm nghề thợ may, có mức thu nhập hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Anh L là đối tượng nghiện ma túy đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ

ở xã T. Anh L thu nhập không ổn định, gia đình vẫn phải hỗ trợ cuộc sống cá nhân hàng ngày của anh L. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án thì anh L không cung cấp chứng cứ về công việc, mức thu nhập hàng tháng của anh L cho Tòa án.

Mặt khác, chị Nh và các cháu A, M đều có chỗ ở ổn định tại xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Hai cháu Việt A, M đều sinh sống, học tập ổn định cùng chị Nh từ nhỏ cho đến nay. Cháu Việt A có nguyện vọng được ở cùng với chị Nh. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/12/2007; Nguyễn Việt M, sinh ngày 19/9/2014 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy chị Nh không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Anh L đều xác định vợ chồng không có. Tại phiên tòa chị Nh khai vợ chồng có một số tài sản vật dụng gia đình nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh. Cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Việt L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Việt L có 02 con chung tên cháu là: Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/12/2007; Nguyễn Việt M, sinh ngày 19/9/2014. Giao cháu Nguyễn Việt A, Nguyễn Việt M cho chị Nhg trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị Nh không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L cho đến khi chị Nh có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không xem xét giải quyết

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo

biên lai thu số 0010270 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Viết L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

